

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2017

V/v Yêu cầu tuyên bố không
phải quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Quan

2. Ông Trần Văn Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2016, về việc “Yêu cầu tuyên bố không phải quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hoàng N- sinh năm 1994 có mặt

Địa chỉ: khu phố Hải T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Anh Đoàn Văn T- sinh năm: 1989 có mặt

Địa chỉ: khu phố Phước T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-7-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trương Thị Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng N và anh Đoàn Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn. Năm 2015 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh T suốt ngày uống sưa về kiểm có hành hạ đánh đập chị N, vợ chồng có hòa giải nhưng không kết quả. Năm 2015 chị N có làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn nhưng do anh T năn nỉ và hứa thay đổi nên chị N rút đơn để cùng với anh T về chung sống lại. Đến nay chị N thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Đoàn Văn T không còn nên chị N yêu cầu tuyên bố quan hệ giữa chị N và anh T không phải quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 06-11-2013 hiện nay đang sống với chị N. Nay chị N tự nguyện nuôi dưỡng cháu Tâm đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về T sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có T sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh T thống nhất như lời trình bày của chị Trương Thị Hoàng N về quan hệ hôn nhân, về thời gian chung sống. Anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã và do chị N suốt ngày đi làm về đến nhà không lo cơm nước chăm sóc chồng con nên nhiều lần uống rượu về say anh T có đánh chị N. Nay chị Trương Thị Hoàng N yêu cầu tuyên bố quan hệ giữa chị N và anh T không phải quan hệ vợ chồng thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T thống nhất như lời trình bày của chị N về con chung, anh T tự nguyện giao con chung là cháu Trương Minh T sinh ngày 06-11-2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về T sản chung và nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu về việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án

Chị N và anh T không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận là giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 tháng.

Về T sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa , Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định.

[1]- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh T sống chung như vợ chồng đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị N và anh T yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa chị N và anh T không phải là quan hệ vợ chồng. Vì vậy, áp dụng Điều 53 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố quan hệ giữa chị N và anh T không phải là quan hệ vợ chồng.

[2]- *Về con chung*: Chị Trương Thị Hoàng N và anh Đoàn Văn T có một con chung là cháu Trương Minh T, sinh ngày 06-11-2013. Hai bên thỏa thuận giao cháu T cho chị N tục tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng. Như vậy, áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận sự thỏa thuận.

[3]- *Về T sản chung và nợ chung*: Chị N và anh T khai là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí cấp dưỡng, nên anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[5]- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố giữa chị Trương Thị Hoàng N và anh Đoàn Văn T không phải quan hệ vợ chồng.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Trương Thị Hoàng N và anh Đoàn Văn T là giao cháu Trương Minh T sinh ngày 06-11-2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung.

3. *Về T sản chung và nợ chung*: Không có.

4. *Về án phí:* Chị Trương Thị Hoàng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004193 ngày 14-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, chị N đã nộp đủ án phí. Anh Đoàn Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Chi cục THADS H. Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN TIẾN